

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHU VỰC 13 – HẢI PHÒNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Duy Tuấn và ông Phạm Huy Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Khương Thị H**, sinh năm 2001; đăng ký HKTT: Tổ 6, thôn PT1, xã NTM, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Đội 7, thôn T, xã T, thành phố Hải Phòng.

2. Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của chị **Khương Thị H**: Chị **Trịnh Thị L**, sinh năm 2001; địa chỉ: Số 88, đường Nguyễn Cao, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng.

3. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành L1**, sinh năm 1998;

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Tổ 6, thôn PT1, xã NTM, thành phố Hải Phòng. Hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Nguyễn Khắc Tr**, sinh năm 1969 ;

+ Bà **Vũ Thị Bình**, sinh năm 1972 ;

Đều ở địa chỉ: Tổ 6, thôn PT1, xã NTM, thành phố Hải Phòng.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị L, anh L1, ông Tr và bà B đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Khương Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành L1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã NTM, thành phố Hải Phòng) vào ngày 15/3/2019. Sau khi kết hôn anh chị về sống tại tổ 6, thôn PT1, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã NTM, thành phố Hải Phòng). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong việc chi tiêu gia đình, chăm sóc con và anh L1 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Đến ngày 08/6/2023, anh L1 đi lao động tại Nhật Bản, giữa hai vợ chồng không có biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Sau đó chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống tại đội 7, thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng). Mặc dù đã được hai bên gia đình đã khuyên bảo hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được hàn gắn. Nay chị xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 28/8/2018 và Nguyễn Gia H1, sinh ngày 27/9/2021, hiện đang ở cùng với ông bà nội; Ly hôn chị đề nghị giao con Nguyễn Phương T cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); giao con Nguyễn Gia H1 cho anh Nguyễn Thành L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Trong thời gian anh L1 không có mặt tại Việt Nam chị nhất trí giao con cho ông Nguyễn Khắc Tr, bà Vũ Thị B là bố mẹ đẻ của anh L1 trực tiếp chăm sóc cho đến khi anh L1 về nước. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh L1 tại Nhật Bản vì anh L1 không cho chị biết địa chỉ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc Tr, bà Vũ Thị B (là bố mẹ đẻ của anh L1) trình bày: Anh L1 và chị H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã NTM, thành phố Hải Phòng). Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến năm 2023, khi anh L1 đi lao động tại Nhật Bản thì chị H có dấu hiệu quan hệ bất chính với người đàn ông khác,

không quan tâm đến anh L1, sau đó chị H đã bỏ về nhà bố mẹ để sống, giữa chị H và anh L1 không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nữa. Sau khi nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, ông bà đã thông báo qua điện thoại cho anh L1 biết về việc chị H làm đơn xin ly hôn. Anh L1 không cung cấp cho gia đình biết địa chỉ cụ thể, cũng không về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn được, anh L1 cũng không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tuy nhiên, qua điện thoại anh L1 có quan điểm xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, vợ chồng không còn tình cảm, nay chị H xin ly hôn, anh nhất trí. Về con chung, anh xác định chị H trình bày là đúng, nguyện vọng khi ly hôn anh xin được nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam, bố mẹ anh sẽ hỗ trợ anh trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến khi anh về nước. Tài sản chung, nợ chung không có nên anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ông Tr và bà B nhất trí nếu anh L1 là người được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung thì ông bà đồng ý thay anh L1 chăm sóc con chung cho đến khi anh L1 về nước.

Tại Công văn số 875/PA08(Đ1) ngày 01/8/2025, Phòng quản lý xuất nhập cảnh, Công an thành phố Hải Phòng xác định anh Nguyễn Thành L1, sinh ngày 03/02/1998, có thông tin xuất cảnh ra nước ngoài ngày 07/6/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Phương T, cháu có nguyện vọng ở với mẹ là Khương Thị H.

Tại Biên bản xác minh với chính quyền địa phương xã NTM cung cấp: Chị Khương Thị H và anh Nguyễn Thành L1 kết hôn với nhau hợp pháp vào ngày 15/3/2019. Quá trình chung sống chính quyền không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh L1. Qua nắm bắt tình hình chỉ biết hiện anh L1 đang lao động tại Nhật Bản tuy nhiên địa chỉ cụ thể của anh L1 tại Nhật Bản chính quyền không nắm được. Nay chị H xin ly hôn anh L1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H và anh L1 có 02 con chung, trường hợp ly hôn đề nghị Tòa án giao cho mỗi người nuôi 01 con để đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con một cách tốt nhất.

Đại diện VKSND khu vực 13 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Khương Thị H ly hôn với anh Nguyễn

Thành L1.

2. Về con chung: Giao chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phương T, sinh ngày 28/8/2018 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); anh L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia H1, sinh ngày 27/9/2021 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi), trong thời gian anh L1 không có ở Việt Nam thì tạm giao cho ông Nguyễn Khắc Tr, bà Vũ Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Gia H1 cho đến khi anh L1 về nước và không phải trả chi phí nuôi dưỡng; Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị H và anh L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Hải Phòng, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Khương Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Thành L1. Anh L1 hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại Tổ 6, thôn PT1, xã NTM, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ của anh L1 tại Nhật Bản. Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng đã yêu cầu gia đình anh L1 cung cấp địa chỉ của anh L1. Gia đình anh L1 xác định anh L1 đang ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể, nên gia đình không cung cấp được địa chỉ anh L1 cho Tòa án. Tuy nhiên, gia đình anh L1 chấp nhận nhận văn bản tố tụng của Tòa án và xác định đã thông báo đầy đủ nội dung văn bản cho anh L1 được biết. Anh L1 không có văn bản gửi về cho Tòa án, nhưng có thông qua gia đình trình bày quan điểm về vụ án. Do vậy, áp dụng Nghị quyết số 01/2024/NQ - HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chị H vắng mặt tại phiên toà và đề nghị xử vắng mặt; anh L1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa những lần vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H và anh L1.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Khương Thị H và anh Nguyễn Thành L1 tự nguyện kết hôn và đã được UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã NTM, thành phố Hải Phòng) đăng ký kết hôn vào ngày ngày 15/3/2019 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị H, lời khai của ông Triệu và bà Bình (là bố mẹ đẻ anh L1), có căn cứ xác định trong cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh L1 có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, không có tiếng nói chung. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh L1 đã được gia đình thông báo về việc chị H xin ly hôn anh và anh cũng xác định không còn tình cảm, nhất trí ly hôn. HĐXX thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh L1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh L1.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Khương Thị H và anh Nguyễn Thành L1 có 02 con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 28/8/2018 và Nguyễn Gia H1, sinh ngày 27/9/2021, hiện đang ở cùng với ông Nguyễn Khắc Tr và bà Vũ Thị B. Chị H có nguyện vọng được nuôi cháu T và giao cháu H1 cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh L1 có nguyện vọng xin được nuôi hai con, trong thời gian anh L1 không có mặt tại Việt Nam, anh nhất trí giao hai con cho bố mẹ anh là ông Tr, bà B chăm sóc cho đến khi anh về nước. Hội đồng xét xử căn cứ vào độ tuổi của các con, nguyện vọng của con Nguyễn Phương T, điều kiện kinh tế, nơi cư trú, thời gian chăm sóc, giáo dục, và môi trường sống ổn định mà mỗi bên có thể đảm bảo cho con, xét thấy việc giao mỗi bên trực tiếp nuôi dưỡng một con là phù hợp, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu. Do vậy, HĐXX giao con chung Nguyễn Phương T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); giao con chung Nguyễn Gia H1 cho anh Nguyễn Thành L1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao con Nguyễn Gia H1 cho ông Nguyễn Khắc Tr, bà Vũ Thị B chăm sóc cho đến khi anh L1 về nước. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết. Anh L1 không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu anh L1 có yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; ; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Khương Thị H. Xử cho chị Khương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thành L1.

2. Về con chung: Giao cho chị Khương Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phương T, sinh ngày 28/8/2018 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); anh L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia H1, sinh ngày 27/9/2021 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi), trong thời gian anh L1 không có mặt ở Việt Nam thì tạm giao cho ông Nguyễn Khắc Tr, bà Vũ Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia H1 cho đến khi anh L1 về nước; Hai bên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị Khương Thị H, anh Nguyễn Thành L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Khương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001905 ngày 14/7/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 13 – Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Bị đơn anh L1 đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 13 – Hải Phòng
- THADS khu vực 13 – Hải Phòng;
- UBND xã NTM, TP Hải Phòng *(để ghi vào sổ hộ tịch)*;
- Lưu hồ sơ.

Bùi Quý Long